

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con,”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Vân,

2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con,”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST – HNGĐ ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Du L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Du L trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị L và anh B chung sống với nhau vào năm 1993, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến con chung được 09 tuổi. Thời gian sau, anh B không quan tâm, chăm sóc cho gia đình,

thường xuyên uống rượu, say xỉn,²không chú tâm làm ăn. Nhiều lần chị L khuyên ngăn nhưng anh B không thay đổi.

Chị L đã đi làm và cùng con sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, chị đi làm để nuôi con ăn học còn anh B không quan tâm hay phụ giúp chị cho con ăn học. Chị nhận thấy đã không thể nào tiếp tục chịu đựng kéo dài mối quan hệ vợ chồng với anh B. Nay chị Nguyễn Thị Du L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Minh M, sinh ngày 21/8/1994. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

* Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày tại phiên hòa giải như sau:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian chung sống cũng như việc không đăng ký kết hôn như chị Du L trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, anh B còn thương vợ nên nay anh B không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Minh M, sinh ngày 21/8/1994. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1) Giấy khai sinh (Bản photo).

2) Giấy CMND, sổ hộ khẩu (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Anh Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn B.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị³Nguyễn Thị Du L và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị L và anh B đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”. Do chị L và anh B không đăng ký kết hôn nên khi chị L xin ly hôn Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Du L và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Minh M, sinh ngày 21/8/1994. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Du L chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Du L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Du L và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Du L phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0003670 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh Nguyễn Văn B được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

